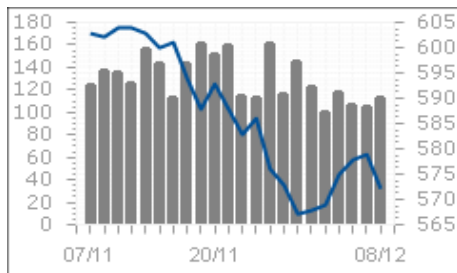


HOSE

08/12/2014

VNINDEX	571.67	-7.09	-1.23%
KLGD	113,549,183	CP	
GTGD	2,276.18	Tỷ	
GTR NDTNN	-	10.42	Tỷ
CP Tăng giá	74	CP	
CP Giảm giá	153	CP	
CP Đứng giá	77	CP	



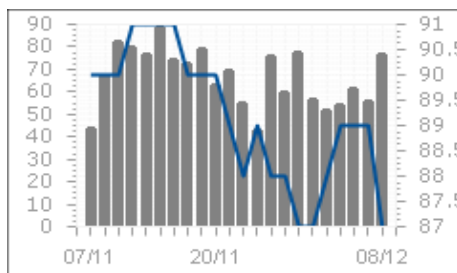
Tâm điểm

- ▶ **Cổ phiếu dầu khí khiến 2 sàn mất điểm mạnh**
- ▶ **Đà giảm lan rộng cuối phiên kèm theo khối lượng giao dịch gia tăng**
NĐT Nước ngoài bán ròng trở lại trên HNX và HOSE
- ▶ **Tuần 1 – 5/12: NHNN bơm ròng tuần thứ 4 liên tiếp trên OMO**
NHNN bơm ròng tổng cộng 6.843 tỷ đồng trên thị trường OMO SBV
- ▶ **NHNN xem xét đề nghị mua cổ phần TCTD của NĐTNN trong 40 ngày**
Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vừa ban hành thông tư số 38/2014/TT-NHNN SBV
- ▶ **Kinh tế Nhật Bản suy thoái sâu hơn ước tính sơ bộ**
GDP giai đoạn tháng 7-tháng 9 giảm 1.9% so cùng kỳ năm ngoái CNBC
- ▶ **PVS đạt 1.750 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế hợp nhất sau 11 tháng**
Lợi nhuận sau thuế đạt 1.185 tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ và vượt 43% KH Vietstock
- ▶ **Masan Consumer Holdings huy động 2,100 tỷ đồng trái phiếu**
Đây là đợt phát hành trái phiếu kỳ hạn 10 năm lớn nhất với lãi suất thấp nhất Gafin

HNX

08/12/2014

HNXINDEX	87.17	-1.45	-1.64%
KLGD	77,415,139	CP	
GTGD	1,255.43	Tỷ	
GTR NDTNN	-	0.83	Tỷ
CP Tăng giá	86	CP	
CP Giảm giá	127	CP	
CP Đứng giá	166	CP	



Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,043,703	14.1	2.8	18.2%	9.6%
HNX	147,003	14.2	1.8	8.8%	4.2%
Toàn bộ thị trường	1,190,706	14.5	2.8	18.1%	9.1%

Theo ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,288	7.0	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	22,115	9.5	1.6	17.1%	10.5%
Khai khoáng	38,875	13.3	2.0	22.3%	10.7%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,541	90.0	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng	25,844	14.1	1.5	13.7%	7.5%
Máy công nghiệp	33,551	32.7	1.2	-0.3%	2.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,603	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	10,829	8.6	1.5	18.4%	13.4%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,437	10.9	2.8	25.5%	11.1%
Thực phẩm	23,232	10.9	2.0	21.4%	7.4%
Dược phẩm	189,025	24.1	4.6	18.6%	14.4%
Phần mềm	15,728	12.5	2.8	22.3%	14.8%
Sản xuất & phân phối điện	17,067	10.2	2.2	21.7%	8.9%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	29,756	10.3	1.5	15.7%	7.3%
Bảo hiểm nhân thọ	170,574	14.0	4.5	32.4%	21.9%
Môi giới chứng khoán	25,518	20.3	2.1	10.4%	2.2%
Ngân hàng	28,922	12.3	1.6	11.1%	7.6%
Bất động sản	249,378	11.8	1.3	10.2%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	166,528	16.3	2.6	17.8%	4.6%
	40,472	9.2	1.9	21.9%	9.2%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	619.87	-4.80	-0.77%
HNX30	174.32	-3.88	-2.18%

VietinBankSc

306 Ba Trieu
Hai Ba Trung
Hanoi
Vietnam
Tel: (844) 3974 7952
Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Tuần 1 – 5/12: NHNN bơm ròng tuần thứ 4 liên tiếp trên OMO

NHNN xem xét đề nghị mua cổ phần TCTD của NĐTNN trong 40 ngày

Kinh tế Nhật Bản suy thoái sâu hơn ước tính sơ bộ

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

PVS đạt 1.750 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế hợp nhất sau 11 tháng

Masan Consumer Holdings huy động 2,100 tỷ đồng trái phiếu

NAG: Kế hoạch lợi nhuận cả năm 16 tỷ đồng và đầu tư vào dệt may

► Tin kinh tế

Trong tuần 1-5/12, tính chung cho cả 2 nghiệp vụ Reverse Repo và Sell Outright, NHNN bơm ròng tổng cộng 6.843 tỷ đồng trên thị trường OMO, là tuần thứ tư liên tiếp NHNN bơm tiền ra thị trường. Dư nợ tín phiếu giảm so với cuối tuần trước nhưng hiện vẫn đang ở mức cao 172.997 tỷ đồng tính đến ngày 5/12. Trong tuần 8-12/12, sẽ có tổng cộng 32.240 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn. Lãi suất liên ngân hàng tăng mạnh so với tuần trước đó. Tỷ giá niêm yết giảm sâu cả chiều mua vào và bán ra. Để tránh áp lực tín phiếu đáo hạn, tuần này NHNN có khả năng tiếp tục phát hành tín phiếu ở kì hạn dài nhằm điều hòa thị trường.

Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vừa ban hành thông tư số 38/2014/TT-NHNN quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc nhà đầu tư nước ngoài (NĐTNN) mua cổ phần của tổ chức tín dụng (TCTD) Việt Nam. Thông tư quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc các NĐTNN mua cổ phần hoặc mua thêm dẫn đến mức sở hữu cổ phần từ 5% vốn điều lệ trở lên của 1 tổ chức tín dụng Việt Nam; NĐTNN mua cổ phần dẫn đến sở hữu cổ phần từ 10% vốn điều lệ trở lên của 1 TCTD Việt Nam và NĐTNN mua cổ phần và trở thành nhà đầu tư chiến lược nước ngoài của 1 TCTD Việt Nam. Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, NHNN xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận bằng văn bản việc mua cổ phần của NĐTNN.

Số liệu GDP điều chỉnh được Nhật Bản công bố sáng ngày 8/12 cho thấy kinh tế nước này đã suy thoái sâu hơn so với dự báo ban đầu trong quý 3/2014. Theo đó, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) giai đoạn tháng 7-tháng 9 giảm 1.9% so cùng kỳ năm ngoái, mạnh hơn so với dự báo sơ bộ giảm 1.6%. So với quý trước, GDP của Nhật Bản cũng giảm 0.5%, mạnh hơn so với ước tính ban đầu là 0.4%. Sự sụt giảm mạnh của chỉ tiêu doanh nghiệp đã đẩy nền kinh tế lún sâu hơn vào suy thoái. Cụ thể, chỉ tiêu doanh nghiệp giảm 0.4% so với quý trước, mạnh hơn so với dự báo giảm 0.2% trong lần công bố sơ bộ. Như vậy, nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới đã bất ngờ rơi vào suy thoái kỹ thuật sau hai quý sụt giảm liên tiếp.

► Tin doanh nghiệp

Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật dầu khí Việt Nam (mã PVS) thông báo đạt lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 1,75 nghìn tỷ đồng (82,31 triệu USD) trong 11 tháng đầu năm. Ngoài ra, PVS ước tính kết quả kinh doanh cho cả năm 2014 với doanh thu sẽ đạt 30 nghìn tỷ đồng và lợi nhuận thuần đạt 2 nghìn tỷ đồng. Theo báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm của PVS, Công ty đạt 22.923 tỷ đồng doanh thu, tăng 18,8% và bằng 91% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.185 tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ và vượt 43% kế hoạch năm. PVS đã vượt kế hoạch năm ngay từ quý II/2014. Lãi cổ đông công ty mẹ là 1.168 tỷ đồng, EPS đạt 2.614 đồng.

Ngày 08/12, Masan Consumer Holdings, công ty con của Tập đoàn Masan (HOSE: MSN) cho biết đã huy động được 2,100 tỷ đồng từ một giao dịch phát hành trái phiếu mang tính bước ngoặt. Trái phiếu được bảo lãnh bởi tổ chức Credit Guarantee and Investment Facility (CGIF), một quỹ ủy thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Masan Consumer Holdings quản lý các công ty hàng tiêu dùng, trong đó Công ty sở hữu 77.4% cổ phần của Công ty Hàng tiêu dùng Masan (MSF). Đây là một giao dịch trái phiếu kỳ hạn 10 năm rất hiếm khi được phát hành bởi một công ty ngoài quốc doanh Việt Nam. Với tổng giá trị huy động 2,100 tỷ đồng và lãi suất cố định 8%/năm cho toàn bộ kỳ hạn trái phiếu. Đợt phát hành này đã được các công ty tài chính đăng ký mua toàn bộ, chủ yếu là các công ty bảo hiểm toàn cầu có hoạt động ở Việt Nam.

HDQT CTCP Nagakawa Việt Nam (HNX: Mã NAG) vừa thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4/2014 với doanh thu 85 tỷ đồng (tăng 151% so cùng kỳ) và lợi nhuận 8 tỷ đồng. Với chỉ tiêu này, dự kiến lợi nhuận cả năm của NAG đạt 16 tỷ đồng. Ngoài ra, HDQT NAG cũng thống nhất kế hoạch mở rộng ngành nghề kinh doanh là đầu tư vào lĩnh vực dệt may. HDQT giao cho ông Nguyễn Đức Khả - Chủ tịch kiêm TGD của NAG chủ động thương thảo với Tập đoàn dệt may KLV Hồng Kông về việc lựa chọn cổ đông chiến lược của Công ty.

HOSE 08/12/2014 VNINDEX 571.67 -7.09 -1.23% 113,549,183 CP 2,276.18 bil VND

Cổ phiếu dầu khí khiến 2 sàn mất điểm mạnh

VN-Index giảm 7.08 điểm (-1.22%), đóng cửa tại mức 571.68 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, chỉ số này giảm điểm rất mạnh, và đóng cửa ở vùng thấp trong phiên.

- MACD sụt giảm trở lại ở phiên hôm nay, sau 2 phiên có dấu hiệu đi ngang.
- Stochastic Oscillator cho tín hiệu bán ra.
- RSI (14) sụt giảm mạnh về mốc 37.
- VN-Index lần lượt phá vỡ hết các đường MA, và các đường này đều có xu hướng giảm, nó cho thấy rủi ro giảm điểm tiếp của VN-Index vẫn còn.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0 (0.0%)	12,102,820
HAG	-0.5 (-2.1%)	6,480,090
HQC	0.1 (1.3%)	5,564,380
OGC	-0.1 (-1.2%)	4,403,030
HHS	0.3 (1.5%)	3,338,230

HOSE Top 5 theo % tăng

THG	0.9 (6.4%)	2,430
VOS	0.4 (6.3%)	2,060,210
VSI	0.7 (6.1%)	5,380
TMS	2.7 (5.5%)	10
GIL	1.7 (5.4%)	39,120

HOSE Top 5 theo % giảm

BTT	-3 (-7.5%)	17,640
SHI	-0.6 (-7.0%)	673,770
KSH	-0.9 (-6.9%)	509,860
SFC	-2 (-6.9%)	10
SBC	-2.5 (-6.8%)	155,970

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

IJC	28,5 tỷ	1,984,250
VIC	14,7 tỷ	301,620
VCB	11,8 tỷ	388,400
KBC	11,7 tỷ	698,000
HPG	9,7 tỷ	173,650

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-35,2 tỷ	1,463,440
SAM	-10,9 tỷ	760,000
VIP	-4,2 tỷ	229,780
PVD	-3,9 tỷ	53,660
VSH	-3,2 tỷ	228,430

GD NDTNN KL Ròng GT Ròng (tỷ)

HOSE	-855,063	-	10.42
------	----------	---	-------

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Lực cầu đuối dần, trong khi nhóm cổ phiếu dầu khí chịu áp lực bán mạnh khiến cho VN-Index mất điểm khá nhanh. Đà giảm lan rộng.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 105 triệu cổ phiếu. Thanh khoản tăng lên khi VN-Index sụt giảm mạnh, nhìn chung lực cầu hầu như chỉ chờ ở vùng giá thấp.
- ▶ Khối ngoại bán ròng trở lại với giá trị 10,42 tỷ. Nhìn chung nhịp bán ròng của khối ngoại vẫn chưa dừng lại, vì vậy rủi ro VN-Index tiếp tục giảm điểm vẫn còn.
- ▶ VN-Index vẫn đang chịu áp lực giảm điểm do đà bán tập trung vào nhóm cổ phiếu dầu khí có vốn hóa lớn. Kỳ vọng ngưỡng hỗ trợ 560 điểm sẽ giúp VN-Index cân bằng.
- ▶ NĐT nên dừng các quyết định mua, hạ tỷ trọng cổ phiếu nếu chỉ số VN-Index phá vỡ ngưỡng 560 điểm.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	81.0	153,495.00	14.2	4.6	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	99.5	99,511.80	17.1	5.5	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	31.4	83,681.64	17.6	1.9	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	48.9	71,127.74	18.2	3.8	21.1%	4.6%
MSN	735.8	84.5	62,175.79	- 477.2	4.2	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.4	53,617.03	9.9	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	13.2	37,107.87	8.5	1.2	13.6%	0.8%
HPG	481.9	54.5	26,264.00	8.5	2.3	30.2%	14.7%
BVH	680.5	37.3	25,381.58	20.3	2.1	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	18.5	21,136.46	8.7	1.2	14.3%	1.4%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

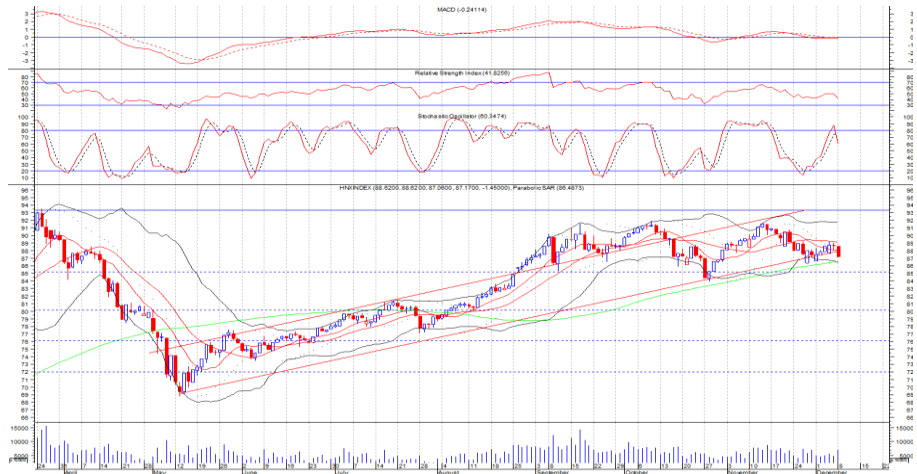
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
HAG	789.9	23.5	18,562.63	10.1	1.3	29.5	MUA
KBC	389.8	16.5	6,431.04	15.4	1.3	NA	TH.DOI
HCM	127.2	35.2	4,478.48	10.7	1.9	NA	TH.DOI
VCB	2,665.0	31.4	83,681.64	17.6	1.9	19.4	BAN
SSI	353.8	30.1	10,649.23	15.1	1.9	NA	TH.DOI
TDC	100.0	11.8	1,180.00	7.2	1.1	NA	TH.DOI

HNX 08/12/2014 HNX-Index 87.17 -1.45 -1.64% 77,415,139 CP 1,255.43 bil. VND

Cổ phiếu dầu khí khiến 2 sàn mất điểm mạnh

Chỉ số HNX-Index giảm 1.45 điểm (-1.64%), đóng cửa tại mốc 87.17 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ thân ngắn dài, cây nến gần như phá vỡ kênh tăng giá đã được thiết lập trước đó.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sụt giảm mạnh và cho tín hiệu bán ra.
- MACD sụt giảm mạnh. Điều này cho thấy rủi ro giảm điểm của HNX-Index vẫn còn.
- RSI (14) sụt giảm về mốc 41.
- Hầu hết các đường MA đã bị HNX-Index phá vỡ. nhìn chung các tín hiệu kỹ thuật đều đang cho tín hiệu khá xấu.



HNX Top 5 theo KLGD

KLF	0.4 (3.0%)	16,883,920
PVX	-0.2 (-3.2%)	9,341,860
SCR	0.1 (0.9%)	6,193,350
PVS	-2.7 (-8.1%)	5,214,060
PVC	-2.9 (-9.3%)	2,423,470

HNX Top 5 theo % tăng

CTB	4.5 (14.8%)	-
KTT	0.4 (10.0%)	100
SAF	3.8 (10.0%)	1,700
TV4	1.1 (9.9%)	1,000
DST	0.8 (9.8%)	10,400

HNX Top 5 theo % giảm

PDC	-0.4 (-10.0%)	19,200
PEN	-1 (-10.0%)	1,500
PVB	-5.2 (-10.0%)	279,000
TV2	-3 (-10.0%)	100
BAM	-0.8 (-9.9%)	877,230

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

SHS	4,9 tỷ	397,000
VND	1,1 tỷ	83,000
SHB	1,0 tỷ	108,100
PPE	0,8 tỷ	101,800
AAA	0,8 tỷ	43,300

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-11,7 tỷ	371,400
BVS	-0,3 tỷ	21,380
VDL	-0,2 tỷ	10,000
LAS	-0,2 tỷ	6,400
KLS	-0,1 tỷ	10,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	567,090	- 0.83

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Lực cầu đuối dần, trong khi nhóm cổ phiếu dầu khí chịu áp lực bán mạnh khiến cho HNX-Index mất điểm khá nhanh. Đà giảm lan rộng.
- ▶ KLGD gia tăng và đạt 71 triệu cổ phiếu. Thanh khoản tăng lên khi HNX-Index sụt giảm mạnh, nhìn chung lực cầu hầu như chỉ chờ ở vùng giá thấp.
- ▶ Khối ngoại bán ròng trở lại với giá trị 830 triệu. Nhìn chung nhịp bán ròng của khối ngoại vẫn chưa dừng lại, vì vậy rủi ro HNX-Index tiếp tục giảm điểm vẫn còn.
- ▶ HNX-Index vẫn đang chịu áp lực giảm điểm do đà bán tập trung vào nhóm cổ phiếu dầu khí có vốn hóa lớn. Kỳ vọng ngưỡng hỗ trợ 85 điểm sẽ giúp HNX-Index cân bằng.
- ▶ NĐT nên dừng các quyết định mua, hạ tỷ trọng cổ phiếu nếu chỉ số VN-Index phá vỡ ngưỡng 85 điểm.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.6	14,192.58	26.3	1.1	4.4%	0.3%
PVS	446.7	30.6	13,669.03	9.0	1.7	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.9	7,886.14	9.9	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	14.3	6,316.46	9.7	1.1	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	18.2	4,097.88	12.9	0.7	5.1%	1.8%
NTP	56.3	49.0	2,760.63	7.0	2.0	23.4%	14.9%
VNR	131.1	21.0	2,752.59	8.6	1.1	12.8%	5.4%
LAS	77.8	32.7	2,545.11	7.4	2.1	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
AAA	39.6	17.6	696.96	6.5	1.2	NA	TH.DOI
BVS	72.2	14.9	1,076.14	11.2	0.8	NA	TH.DOI
DBC	62.7	28.4	1,781.87	9.3	1.0	NA	TH.DOI
PLC	70.3	34.0	2,388.83	10.8	2.0	NA	TH.DOI
ICG	20.0	8.8	176.00	12.5	0.7	NA	TH.DOI
SHB	886.1	8.9	7,886.14	9.9	0.8	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	15.87%	84.5	- 477.22	4.24	120,521	121,272	183,185
VIC	HOSE	1,454.6	71,127.74	13.09%	48.9	18.21	3.84	948,476	1,088,046	1,712,858
PVD	HOSE	303.0	21,061.06	9.87%	69.5	9.42	2.04	1,029,587	724,093	630,541
HPG	HOSE	481.9	26,264.00	11.70%	54.5	8.46	2.33	492,774	454,210	602,533
HAG	HOSE	789.9	18,562.63	7.51%	23.5	10.08	1.30	2,929,865	2,929,808	3,805,129
KDC	HOSE	255.2	13,013.22	6.18%	51.0	21.59	1.98	968,484	1,347,610	941,425
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	5.91%	18.5	8.68	1.20	192,690	227,750	377,654
VCB	HOSE	2,665.0	83,681.64	5.47%	31.4	17.56	1.87	506,634	354,966	408,461
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	4.11%	31.0	9.71	1.26	910,840	625,077	679,843
KBC	HOSE	389.8	6,431.04	2.95%	16.5	15.44	1.25	2,726,043	3,966,156	4,915,359
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	2.90%	8.7	51.81	0.80	6,093,447	6,472,884	6,551,662
HSG	HOSE	96.3	4,738.60	1.99%	49.2	11.46	1.98	107,428	128,850	308,993
BVH	HOSE	680.5	25,381.58	1.85%	37.3	20.30	2.13	192,093	193,436	262,789
HVG	HOSE	132.0	4,065.59	1.56%	30.8	14.22	1.72	847,264	1,135,618	1,745,240
FLC	HOSE	314.9	3,589.79	1.67%	11.4	6.69	0.95	17,677,636	21,562,332	16,643,052
PPC	HOSE	318.2	8,621.99	1.55%	27.1	11.71	1.58	242,460	200,986	472,800
DRC	HOSE	83.1	4,444.45	1.35%	53.5	13.34	3.22	105,288	81,194	140,378
PVT	HOSE	255.9	4,375.16	1.40%	17.1	15.25	1.48	2,416,355	2,352,638	2,345,531
CSM	HOSE	67.3	2,920.47	1.34%	43.4	8.45	2.32	72,654	79,115	184,736
VSH	HOSE	206.2	2,846.13	1.19%	13.8	19.72	1.07	334,504	342,038	488,785
OGC	HOSE	300.0	2,430.00	0.54%	8.1	14.27	0.76	5,311,372	5,737,283	5,528,177

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	8.65%	84.5	- 477.22	4.24	120,521	121,272	183,185
VIC	HOSE	1,454.6	71,127.74	7.80%	48.9	18.21	3.84	948,476	1,088,046	1,712,858
VCB	HOSE	2,665.0	83,681.64	7.95%	31.4	17.56	1.87	506,634	354,966	408,461
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	6.70%	18.5	8.68	1.20	192,690	227,750	377,654
PVS	HNX	446.7	13,669.03	4.86%	30.6	8.96	1.71	2,601,156	1,996,133	3,021,883
BVH	HOSE	680.5	25,381.58	4.53%	37.3	20.30	2.13	192,093	193,436	262,789
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	4.56%	31.0	9.71	1.26	910,840	625,077	679,843
HAG	HOSE	789.9	18,562.63	4.00%	23.5	10.08	1.30	2,929,865	2,929,808	3,805,129
PVD	HOSE	303.0	21,061.06	3.35%	69.5	9.42	2.04	1,029,587	724,093	630,541
PPC	HOSE	318.2	8,621.99	3.31%	27.1	11.71	1.58	242,460	200,986	472,800
ITA	HOSE	718.9	6,254.48	3.31%	8.7	51.81	0.80	6,093,447	6,472,884	6,551,662
FLC	HOSE	314.9	3,589.79	2.75%	11.4	6.69	0.95	17,677,636	21,562,332	16,643,052
SHB	HNX	886.1	7,886.14	2.73%	8.9	9.85	0.77	3,128,130	2,833,482	4,102,159
VCG	HNX	441.7	6,316.46	2.30%	14.3	9.69	1.14	1,878,998	1,658,847	1,647,005
PVT	HOSE	255.9	4,375.16	1.83%	17.1	15.25	1.48	2,416,355	2,352,638	2,345,531
OGC	HOSE	300.0	2,430.00	1.35%	8.1	14.27	0.76	5,311,372	5,737,283	5,528,177
DRC	HOSE	83.1	4,444.45	0.97%	53.5	13.34	3.22	105,288	81,194	140,378
IJC	HOSE	274.2	3,866.14	0.69%	14.1	23.63	1.39	761,183	627,774	909,615
PVX	HNX	400.0	2,400.00	0.00%	6.0	- 2.71	2.69	4,453,300	5,295,327	7,459,632

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	71,127.74	0.00%	48.9	18.21	3.84	948,476	1,088,046	1,712,858
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	0.00%	84.5	-477.22	4.24	120,521	121,272	183,185
DPM	HOSE	379.9	11,777.96	0.00%	31.0	9.71	1.26	910,840	625,077	679,843
HAG	HOSE	789.9	18,562.63	0.00%	23.5	10.08	1.30	2,929,865	2,929,808	3,805,129
VCB	HOSE	2,665.0	83,681.64	0.00%	31.4	17.56	1.87	506,634	354,966	408,461
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.00%	18.5	8.68	1.20	192,690	227,750	377,654
BVH	HOSE	680.5	25,381.58	0.00%	37.3	20.30	2.13	192,093	193,436	262,789
CTG	HOSE	3,723.4	53,617.03	0.00%	14.4	9.94	0.99	268,397	197,727	294,006
GAS	HOSE	1,895.0	153,495.00	0.00%	81.0	14.21	4.63	600,420	467,190	439,215

Công ty quản lý	Royal Bank of Scotland	Ngày lập quỹ	19/09/2011	SLCKVN	9/142
Chỉ số tham chiếu	MSCI Frontier Markets Index	Ngày lập chỉ số	30/11/2007	TGTTSQL	22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,175.79	1.18%	84.5	-477.22	4.24	120,521	121,272	183,185
VIC	HOSE	1,454.6	71,127.74	1.17%	48.9	18.21	3.84	948,476	1,088,046	1,712,858
PVD	HOSE	303.0	21,061.06	0.45%	69.5	9.42	2.04	1,029,587	724,093	630,541
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.39%	18.5	8.68	1.20	192,690	227,750	377,654
VCB	HOSE	2,665.0	83,681.64	0.36%	31.4	17.56	1.87	506,634	354,966	408,461
BVH	HOSE	680.5	25,381.58	0.00%	37.3	20.30	2.13	192,093	193,436	262,789

Công ty quản lý	iShares	Ngày lập quỹ	12/09/2012	SLCKVN	6/102
Chỉ số tham chiếu	MSCI Frontier 100 Index	Ngày lập chỉ số	30/11/2007	TGTTSQL	519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý	iShares	Ngày lập quỹ		SLCKVN	
Chỉ số tham chiếu	MSCI VN Investable Market Indx	Ngày lập chỉ số	01/12/2010	TGTTSQL	4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,288	7.0	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	22,115	9.5	1.6	17.1%	10.5%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,987	15.8	1.0	5.6%	2.2%
Sản xuất giấy	932	6.7	1.1	14.2%	7.8%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	38,875	13.3	2.0	22.3%	10.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,995	3.7	1.0	22.0%	5.2%
Khai khoáng	12,541	90.0	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	25,844	14.1	1.5	13.7%	7.5%
Xây dựng	33,551	32.7	1.2	-0.3%	2.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,227	9.7	1.1	15.4%	7.6%
Công nghiệp phức hợp	1,173	7.7	1.2	16.8%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,580	8.6	1.0	12.2%	5.8%
Thiết bị điện	2,260	35.0	1.4	2.6%	0.5%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	82	26.9	1.1	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,603	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	10,115	3.6	1.2	5.2%	1.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,829	8.6	1.5	18.4%	13.4%
Dịch vụ vận tải	7,200	7.8	1.7	23.5%	13.3%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	4,808	11.6	1.9	15.9%	10.6%
Đào tạo & Việc làm	263	13.6	0.8	6.6%	2.4%
Nhà cung cấp thiết bị	199	9.1	0.9	12.2%	4.8%
Chất thải & Môi trường	219	3.3	1.0	34.1%	15.6%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,457	14.7	1.5	14.7%	7.3%
Lốp xe	8,437	10.9	2.8	25.5%	11.1%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,693	7.5	1.3	17.8%	9.4%
Vang & Rượu mạnh	310	15.6	2.1	14.7%	9.8%
Đồ uống & giải khát	232	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,232	10.9	2.0	21.4%	7.4%
Thực phẩm	189,025	24.1	4.6	18.6%	14.4%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	77	21.7	1.0	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	3,209	8.7	1.5	19.4%	9.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	526	63.4	1.4	2.7%	1.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,824	9.0	1.8	19.4%	7.6%
Giày dép	11	1.6	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,411	10.8	2.0	18.5%	9.5%
Thuốc lá					
Thuốc lá	701	10.1	1.1	1.6%	4.7%

08 December 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	2,014	9.6	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	164	3.4	1.7	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	252	10.7	1.5	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,728	12.5	2.8	22.3%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	267	-	42.4	0.9	-2.0%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	769	10.7	1.3	13.8%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	3,025	10.5	1.7	18.4%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,162	9.6	1.0	10.0%	6.6%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,651	55.4	2.5	4.0%	2.3%
Dịch vụ giải trí	4,087	21.4	1.5	9.6%	7.9%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,744	18.5	3.5	23.5%	20.1%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	771	11.5	0.9	8.9%	3.3%
Internet	385	81.2	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,067	10.2	2.2	21.7%	8.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	470	16.0	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	311	5.9	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,236	35.3	6.7	33.4%	11.3%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,756	10.3	1.5	15.7%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	170,574	14.0	4.5	32.4%	21.9%
Nước	1,289	6.9	1.2	17.2%	11.9%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,515	9.0	1.0	11.2%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,885	11.7	0.8	6.6%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,753	8.6	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	25,518	20.3	2.1	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	2,697	15.5	1.0	5.3%	1.6%
Môi giới chứng khoán	28,922	12.3	1.6	11.1%	7.6%
Ngân hàng					
Ngân hàng	249,378	11.8	1.3	10.2%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	166,528	16.3	2.6	17.8%	4.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	10	2.5	0.7	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	40,472	9.2	1.9	21.9%	9.2%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.